TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số 47/2025/HNGĐ-ST
Ngày 28/04/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị T với anh V

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chấn
2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 04 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 364/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 03 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03/04/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; vắng mặt
Địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

2. Bị đơn: Anh Trần Văn V, sinh năm 1984; vắng mặt
Địa chỉ: thôn C, xã Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn V tháng 01/2004. Trước khi kết hôn, chị và anh V có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam. Sau khi tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa B, chị về làm dâu nhà anh V ngay. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2011 thì nẩy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên xẩy ra cãi nhau, thỉnh thoảng còn xẩy ra xô xát. Nguyên

nhân do chị và anh V ngày càng bất đồng về quan điểm sống. Đến năm 2014, chị dẫn theo con về nhà mẹ đẻ chị ở. Từ đó chị và anh V sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V đã hết, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị và anh Trần Văn V sinh được 02 con là Trần Xuân Phú, sinh năm 2004 và Trần Xuân B, sinh ngày 05/05/20210. Cháu Mđã trưởng thành, phát triển bình thường, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu B chưa đủ 18 tuổi, đang ở với chị, ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con. Chị không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, bị đơn anh Trần Văn V trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T tháng 01/2004. Trước khi kết hôn anh chị có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị T về chung sống cùng gia đình anh ngay. Tháng 05/2004, anh chị ra ở riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, to Vg với nhau. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng về quan điểm sống. Năm 2011, chị T đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài. Năm 2023, chị T về nước. Anh và chị T sống ly thân từ khi chị T đi xuất khẩu lao động. Hiện nay, anh và chị T đã chấm dứt mọi quan về kinh tế. Tuy nhiên, anh xác định tình cảm với chị T vẫn còn, anh vẫn muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để các con có đủ cả bố và mẹ, nên chị T ly hôn, anh không đồng ý.

Về con chung: Anh và chị T sinh được 02 con như chị T đã trình bày. Nếu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn anh, anh đồng ý để chị T tiếp tục nuôi con. Cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán V hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Trần Văn V. Về con chung, giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi con là Trần Xuân B; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối

với tài sản, không đặt ra xem xét. Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ hai, nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xử vụ án.

Chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn và con chung giữa chị với anh Trần Văn V. Đây là "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Trần Văn V trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lục Nam ngày 11/01/2004, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nẩy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị T và anh V sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Tại các buổi hòa giải và tại các phiên tòa, anh V đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh V đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Trần Văn V.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn V sinh được 02 con chung là Trần Xuân Phú, sinh năm 2004 và Trần Xuân B, sinh ngày 05/05/2010. Con lớn là Trần Xuân Mđã trưởng thành nên không đặt ra xem xét; con nhỏ Trần Xuân B đang ở với chị T, phát triển bình thường. Cháu B có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị T, chị T, anh V đồng ý. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi con là Trần Xuân B, sinh ngày 05/05/2010. Cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí: Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004377 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 07/11/2024.

[6]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T ly hôn với anh Trần Văn V.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi con là Trần Xuân B, sinh ngày 05/05/2010. Anh Trần Văn V có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh V thực hiện quyền này. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Oanh đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004377 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang ngày 07/11/2024.

4. Về kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã Đ;
- Lưu hồ sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Huân